Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9304.00.90

Mã HS	9304.00.90
Mô tả hàng hóa	Vũ khí khác (ví dụ, súng và súng lục sử dụng lò xo, hơi hoặc khí ga, dùi cui), trừ các loại thuộc nhóm 93.07 / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 18:44:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/93040090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18434
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18434
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18434
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E17758
ATIGA	2022	2022	*	AT!E17687
ATIGA	2023	2023	*	AT!F17687
ATIGA	2024	2024	*	AT!G17687
ATIGA	2025	2025	*	AT!H17687
ATIGA	2026	2026	*	AT!I17687
ATIGA	2027	2027	*	AT!J17687
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E17743
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F17743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G17743
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H17743
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I17743
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J17743
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E17744
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F17744
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G17744
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H17744
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I17744
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J17744
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F17749
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H17706
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F17701
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G17701
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H17701
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I17701
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J17701
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K17701
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17747
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17747
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17747
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17747
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17747
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17747
VCFTA	2022	2022	*	VC!D17809
VCFTA	2023	2023	*	VC!E17809

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	*	VC!F17809
VCFTA	2025	2025	*	VC!G17809
VCFTA	2026	2026	*	VC!H17809
VCFTA	2027	2027	*	VC!I17809
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17787
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17787
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17787
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17787
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17787
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17787
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17780
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17780
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17780
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17780
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17780
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17780
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17810
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17810
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17810
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17810
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17810
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17810
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17809
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17809
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17809
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17809

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17809
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17809
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17903
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17903
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17903
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17903
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17903
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17903
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17903
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D17772
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E17772
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F17772
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G17772
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H17772
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I17772
RCEP B	2022	2022	*	B!D17772
RCEP B	2023	2023	*	B!E17772
RCEP B	2024	2024	*	B!F17772
RCEP B	2025	2025	*	B!G17772
RCEP B	2026	2026	*	B!H17772
RCEP B	2027	2027	*	B!I17772
RCEP C	2022	2022	*	C!D17770
RCEP C	2023	2023	*	C!E17770
RCEP C	2024	2024	*	C!F17770
RCEP C	2025	2025	*	C!G17770
RCEP C	2026	2026	*	C!H17770

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	*	C!I17770
RCEP D	2022	2022	*	D!D17769
RCEP D	2023	2023	*	D!E17769
RCEP D	2024	2024	*	D!F17769
RCEP D	2025	2025	*	D!G17769
RCEP D	2026	2026	*	D!H17769
RCEP D	2027	2027	*	D!I17769
RCEP E	2022	2022	*	E!D17773
RCEP E	2023	2023	*	E!E17773
RCEP E	2024	2024	*	E!F17773
RCEP E	2025	2025	*	E!G17773
RCEP E	2026	2026	*	E!H17773
RCEP E	2027	2027	*	E!I17773
RCEP F	2022	2022	*	F!D17772
RCEP F	2023	2023	*	F!E17772
RCEP F	2024	2024	*	F!F17772
RCEP F	2025	2025	*	F!G17772
RCEP F	2026	2026	*	F!H17772
RCEP F	2027	2027	*	F!I17772
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16653
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16653
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16653
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16653

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM SPHH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)		9981/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)		6266/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SP HH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)		9981/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9304.00 có 2 dòng thuế; dòng 9304.00.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9304.00.10 Súng hơi, hoạt động với áp suất dưới 7 kgf/cm2	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9304.00.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9304.00.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18434), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM SPHH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)
SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)

Chính sách mặt hàng
SP HH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.